

THÔNG BÁO

Về việc công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã 06 tháng đầu năm 2026

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Báo cáo số 307/BC-UBND ngày 20/7/2026 của UBND xã Việt Tiến về kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ và giải pháp điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm 2026 trên địa bàn xã Việt Tiến;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22/7/2026 của HĐND xã Việt Tiến nhiệm vụ và giải pháp thu, chi ngân sách Nhà nước 6 tháng cuối năm 2026 xã Việt Tiến;

Ủy ban nhân dân xã Việt Tiến thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã 06 tháng đầu năm 2026 chi tiết cụ thể theo phụ biểu kèm theo.

Thời gian công khai: niêm yết công khai ít nhất 30 ngày kể từ ngày ban hành thông báo (không kể ngày lễ, tết)./. *Hand*

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên;
- Thường trực Đảng ủy xã Việt Tiến;
- Thường trực HĐND xã Việt Tiến;
- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã Việt Tiến;
- UB MTTQ xã Việt Tiến;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc xã;
- Trưởng thôn trong xã;
- Cổng thông tin điện tử của xã;
- Lưu: VT. *P*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Handwritten signature
Nguyễn Đức Đoàn

CỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VIỆT TIẾN
CỦ QUẢN: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
THỜI GIAN KÝ: 12/08/2026 08:12:28



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 868/TB-UBND ngày 06/8/2026 của UBND xã Việt Tiến)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 06 tháng năm 2026	Ước thực hiện/ dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 06 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ					
	TỔNG SỐ THU NGÂN SÁCH XÃ	858.894	452.243	52,65	-
I	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hưởng theo phân cấp (không kể thu chuyển nguồn, thu kết dư, thu bổ sung từ ngân sách cấp trên)	659.540	31.341	4,75	-
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	6.000	3.071	51,18	
2	Thuế thu nhập cá nhân	4.820	2.392	49,63	
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	800	336	42,00	
4	Thu tiền sử dụng đất (phần hưởng theo phân cấp trong kỳ)	639.880	21.459	3,35	
5	Lệ phí trước bạ	6.990	3.291	47,08	
6	Các loại phí, lệ phí	110	322	292,73	
7	Thu tại xã (hoa lợi công sản, quỹ đất công ích...)	940	81	8,62	
8	Thu khác và thu phạt khác		387		
II	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang		80.095		
III	Thu kết dư ngân sách năm trước (trong đó tiền sử dụng đất kết dư: 223.742 triệu đồng)		227.760		
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	199.354	113.048	56,71	
1	Bổ sung cân đối ngân sách	158.189	65.912	41,67	
2	Bổ sung có mục tiêu	41.165	47.136	114,51	

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 06 tháng năm 2026	Ước thực hiện/ dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 06 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
B. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ					
	TỔNG SỐ CHI NGÂN SÁCH XÃ	858.894	151.230	17,6	-
A	Chi ngân sách nhà nước	812.619	151.230	18,6	
I	Chi đầu tư phát triển	639.880	83.643	13,1	
	- Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội		1.052		
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề		12.198		
	- Chi thể dục thể thao		2.411		
	- Chi các hoạt động kinh tế (trong đó: giao thông vận tải 33.266 triệu đồng)		39.947		
	- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể		28.036		
II	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	158.637	67.587	42,6	
1	Chi quốc phòng	873	2.119	242,7	
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	90	97	107,8	
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	87.071	29.266	33,6	
4	Chi khoa học, công nghệ	911	54	5,9	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	13.060	7.200	55,1	
6	Chi văn hoá thông tin	796			
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	200			
8	Chi thể dục thể thao				
9	Chi bảo vệ môi trường	1.502			
10	Chi các hoạt động kinh tế	3.238	133	4,1	
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	33.792	13.489	39,9	
12	Chi bảo đảm xã hội	10.964	15.230	138,9	
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	820			
14	Chi đặc thù	3.654			

III	Dự phòng ngân sách	14.102	677	4,8	
B	Chi chuyển giao ngân sách	46.275			
1	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	46.275			
	- Bổ sung cân đối				
	- Bổ sung có mục tiêu	46.275			
C	Chi chuyển nguồn				